

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Công trình mặt bằng tái định cư Bản Bo, huyện Tam Đường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1037/STNMT-MTK ngày 06/5/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Công trình mặt bằng tái định cư Bản Bo, huyện Tam Đường, kèm theo Biên bản họp hội đồng thẩm định dự án ngày 04/5/2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1530/TTr-STNMT ngày 14/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Công trình mặt bằng tái định cư Bản Bo, huyện Tam Đường (sau đây gọi là Dự án) của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Tam Đường (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Bản Bo, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật

Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh công khai danh sách Hội đồng thẩm định và Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tam Đường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, GTVT, XD, NN&PTNT, KH&CN;
- UBND huyện Tam Đường;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để công khai);
- VP UBND tỉnh: V1, V3;
- Lưu: VT, KT4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trọng Hải

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN CÔNG TRÌNH MẶT BẰNG TÁI ĐỊNH CƯ BẢN BO, HUYỆN TAM ĐƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Công trình mặt bằng tái định cư Bản Bo, huyện Tam Đường.
- Địa điểm thực hiện: Xã Bản Bo, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.
- Chủ đầu tư: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Tam Đường.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Quy mô sử dụng đất: Tổng diện tích dự kiến sử dụng đất khoảng 22.295 m² (trong đó gồm các loại: đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất chưa sử dụng, đất công trình thủy lợi và , đất giao thông).

- San gạt mặt bằng bố trí chia lô cho 24 hộ dân kích thước mỗi lô là (15x20)m, còn lại là đất cây xanh, đất giao thông và đất xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Cấp nước sinh hoạt đủ cho 24 hộ dân.

- Xây dựng đường giao thông láng nhựa 3 lớp, tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m², dưới lớp móng đá dăm tiêu chuẩn lớp trên dày 15cm, lớp móng đá dăm tiêu chuẩn lớp dưới dày 15cm, nền đường đầm chặt. Bề rộng nền đường 15,5m; bề rộng mặt đường 7,5m; bề rộng vỉa hè mỗi bên là 04m; độ dốc ngang đường 2%; độ dốc ngang vỉa hè 1,5%.

- Xây dựng tuyến đường dây cáp điện 0,4kV.

- Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 20m³/ngày (24 giờ), công nghệ sinh học, bao gồm các hạng mục: Bể tách mỡ thể tích 18m³, cụm hồ sinh học tổng thể tích 360m³, bể lọc cát thể tích 36m³.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Phần mặt bằng

a) San gạt mặt bằng, đường giao thông

- Diện tích san nền khoảng 22.295 m². San gạt mặt bằng tạo quỹ đất để cấp cho hộ dân tái định cư là 24 lô, kích thước mỗi lô là 15mx20m, còn lại là đất cây xanh, đất giao thông và đất xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung; đắp đất bằng đất C3, lu lèn độ chặt K85.

- Thiết kế tuyến đường giao thông theo tiêu chuẩn 13592-2022 Đường đô

thị - Yêu cầu thiết kế, đường cấp 40, có chiều dài khoảng 550m, gồm: Bề rộng nền đường 15,5m; bề rộng mặt đường 7,5m; bề rộng vỉa hè mỗi bên 04m; dốc ngang mặt đường 2%; dốc ngang vỉa hè 1,5%.

+ Mặt đường: Láng nhựa 3 lớp, tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m², lớp móng đá dăm tiêu chuẩn lớp trên dày 15cm, lớp móng đá dăm tiêu chuẩn lớp dưới dày 15cm, lớp nền đất đầm chặt K98.

b) Rãnh tam giác, bó vỉa

- Rãnh tam giác được thiết kế bằng bê tông xi măng (BTXM) M200 đá (1x2)mm đúc sẵn, phía bên dưới được lót bằng lớp đệm vữa xi măng M75 dày trung bình 3cm và lớp đệm BTXM M150 dày 5cm.

- Viên bó vỉa được thiết kế bằng BTXM M250 đá (1x2)mm, phía bên dưới được lót bằng lớp đệm VXM M75 dày 2cm và lớp đệm BTXM M150 dày 5cm.

c) Hệ thống thoát nước

- Thiết kế hệ thống rãnh dọc chịu lực kích thước (60x80)cm dọc 02 bên trục đường. Móng, thân rãnh bằng bê tông cốt thép (BTCT) M200, tấm đan bằng BTCT M250. Nước được dồn từ mặt đường qua các vị trí hố ga, sau đó chảy về hệ thống thoát nước chung của khu vực đã có.

- Hố ga được thiết kế với khoảng cách trung bình là 30m/hố dọc 02 bên trục đường trên tuyến, đầu vào rãnh (60x80)cm dọc tuyến. Móng, thành hố ga bằng bê tông vữa xi măng(VXM) M200; tấm đan bằng BTCT M200.

- Phía trên hố ga bố trí cửa thu nước kết cấu bằng BTXM, BTCT, tấm thu nước bằng kết cấu thép (tấm Garating).

- Phần thoát: Cửa ra thoát nước thiết kế cống tròn D150 thoát ra khu vực thoát nước sẵn có.

d) Công trình thoát nước thải và hành lang an toàn

- Thiết kế rãnh thoát nước thải kích thước (40x60) cm phía sau các lô dân cư, kết cấu bằng rãnh chịu lực BTCT, tấm đan bằng BTCT M250.

- Hành lang an toàn: Thiết kế kè rọ đá gia cố nền đất khu vực giáp với đất nuôi trồng thủy sản, chiều dài kè 34m, kè 2 tầng, chân kè rộng 2m tổng chiều cao kè 0,3m, đỉnh kè rộng 1m.

1.3.2. Hạ tầng cấp nước sinh hoạt

Dự án đầu tư xây dựng một công trình cấp nước sinh hoạt cho các hộ dân khu tái định cư. Hiện tại khu vực này đã có công trình cấp nước cho khu vực dân cư xã Bản Bo, hiện trạng bao gồm 01 đập đầu mối thu nước, bể lọc, bể chứa và nhà khử trùng. Khi xây dựng dự án sẽ đầu tư thêm 01 hố thu nước tại khu vực

đập đầu mỗi có sẵn, xây dựng thêm 01 bể chứa cạnh các bể chứa đã có sẵn và lắp đặt đường ống ngầm dẫn nước về khu tái định cư.

a) Hồ thu nước đầu tuyến

- Hồ thu nước đầu tuyến: Tận dụng đập thủy lợi đã có và làm hồ thu nước bằng BT M200, có phin lọc đầu ống dẫn. Kích thước hồ thu $LxBxH = (1,5x0,5x0,7)$ m thành và đáy dày 15cm.

- Bể xả cặn: Làm bể xả cặn bằng BT M200, có phin lọc D100 đầu ống dẫn. Kích thước hồ thu $LxBxH = (1,2x0,9x1)$ m thành và đáy dày 15cm. Hồ van bằng BT M200 kích thước $LxBxH = (0,7x0,7x0,7)$ m thành và đáy dày 15cm. Tấm nắp hồ thu nước bằng BTCT M200 kích thước $LxBxD = (0,5x1,2x0,1)$ m, tấm nắp hồ van bằng BTCT M200 kích thước $LxBxD = (0,4x1x0,1)$ m.

b) Bể chứa điều tiết có dung tích $60m^3$

- Bể điều tiết $60m^3$ gồm 02 ngăn, kích thước trong 01 ngăn chứa $BxLxH = (0,5x2x3)$ m.

- Tường bao xung quanh và tường ngăn kết cấu bằng BTCT M200 dày 20cm, cao 2,0m, trát VXM M10 dày 1,5cm, đánh màu phân tiếp nước.

- Đáy bể kết cấu BTCT M200 dày 20cm, lán VXM M100 dày 2cm, lót BT M100 dày 5cm.

- Nắp bể bằng BTCT M200 đổ liền khối kích thước $BxHxL = (5,4x6,6x0,1)$ m, để 02 cửa thăm kích thước mỗi cửa $BxL = (0,6x0,8)$ m.

- Bố trí 02 hồ van tại đầu vào và đầu ra của bể, kích thước trong $BxHxL = (0,5x0,6x0,55)$ m và $BxHxL = (0,8 x0,6 x0,55)$ m. Tấm nắp hồ van BTCT M200 kích thước $BxHxL = (0,7x0,8x0,07)$ m và $BxHxL = (0,7x0,85x0,07)$ m kết cấu hồ van BT M150, có xả cặn, xả tràn ống thép kích thước 50mm.

- Tại vị trí hồ van đầu ra của bể bố trí lắp đặt 01 đồng hồ đo tổng lưu lượng nước, loại đồng hồ đo nước thân ngang, được sản xuất tại Việt Nam có kiểm định của Nhà nước, dán tem bảo hành, nhãn mác đầy đủ.

c) Hồ van kỹ thuật, gồm 02 cái (01 hồ van chia nước, 01 hồ van xả khí)

- Các hồ van được xây dựng với kích thước trong $BxLxH = (0,5x0,5x0,55)$ m, kết cấu đáy bằng bê tông M200 đá (1x2)mm dày 15cm. Tường hồ van bằng bê tông M200 dày 15cm, cao 55cm. Đinh tường hồ van tại vị trí đặt tấm nắp bố trí thép hình V50x50x5.

- Tấm nắp hồ van bằng bê tông cốt thép M200 đá (1x2)mm, kích thước $BxLxH = (58x58x5)$ cm, có 2 móc cầu bằng thép F10 để tháo lắp. Cốt thép dùng cho tấm nắp hồ van là F10. Khuôn tấm nắp dùng thép hình V50x50x5.

- Bố trí đồng hồ và phụ kiện hoàn chỉnh.

d) Tuyến ống

- Hệ thống đường ống cấp nước lắp mới bằng ống nhựa HDPE – PE 100 – (PN10:-PN12.5), đường kính D20:-D110. Tổng chiều dài các tuyến ống là 2.505m cấp tới các hộ gia đình.

- Chiều sâu chôn ống (tính từ mặt đất tự nhiên đến đáy hố đào): Các tuyến ống D110 chôn sâu 0,6m; các tuyến ống D63, D50 chôn sâu 0,5m; các tuyến ống D20 chôn sâu 0,3m; từ cọc N64-N73 đoạn ống đi nổi bố trí ống thép D80 dày 3 ly bảo vệ ống D63 dài 1.782m; từ cọc N74-T14: đoạn ống chạy dọc lề đường QL32 đục phá bê tông lề đường để chôn ống và đổ hoàn trả bê tông lề đường; từ cọc T23-T24 ống HDPE D63 qua công QL32 bố trí ống thép D80 bảo vệ ống HDPE D63.

1.3.3. Hạ tầng cấp điện sinh hoạt và điện chiếu sáng

- Xây dựng tuyến đường dây 0,4KV: Chiều dài 683m. Sử dụng cáp vặn xoắn ABC 4x70mm²; Hệ thống cột bê tông ly tâm PCI-10-190-4.3

- Bố trí công tơ điện và phụ kiện lắp đặt đường dây hoàn chỉnh.

- Xây dựng tuyến đường dây chiếu sáng: Chiều dài 683m. Sử dụng cáp vặn xoắn ABC 4x25mm².

- Bố trí đèn led 100W và cần đèn và tủ điều khiển hoàn chỉnh.

1.3.4. Hệ thống xử lý nước thải: Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 20m³/ngày (24 giờ), công nghệ sinh học. Bao gồm các hạng mục: Bể tách mỡ thể tích 18m³, hồ sinh học thể tích 360m³, bể lọc cát thể tích 36m³.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn chuẩn bị: Hoạt động giải phóng mặt bằng.

- Giai đoạn thi công:

+ Hoạt động đào đắp, san lấp mặt bằng; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công, hoạt động của máy móc thiết bị thi công, hoạt động thi công xây dựng các công trình làm phát sinh bụi, khí thải.

+ Sinh hoạt của công nhân, làm phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt; hoạt động xây dựng có phát sinh nước thải từ rửa dụng cụ, thiết bị, cốt liệu bê tông.

+ Vật liệu xây dựng rơi vãi trong quá trình vận chuyển và thi công, hoạt động đào, đắp phát sinh chất thải rắn thông thường.

+ Hoạt động của các phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị thi công

làm phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hoạt động phát sinh bụi, khí thải: Hoạt động của phương tiện giao thông, hoạt động đun nấu của người dân và hoạt động chăn nuôi phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải.

+ Hoạt động phát sinh nước thải: Hoạt động sinh hoạt của người dân sinh sống trong khu tái định cư.

+ Hoạt động phát sinh chất thải rắn thông thường: Phát sinh từ động sinh hoạt của người dân sinh sống trong khu tái định cư.

+ Hoạt động phát sinh chất thải nguy hại: Phát sinh từ động sinh hoạt của người dân sinh sống trong khu tái định cư.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt ước tính khoảng $1,6\text{m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ) tại khu vực lán trại của công nhân xây dựng.

+ Nước thải xây dựng: Nước thải từ vệ sinh dụng cụ, thiết bị, rửa cốt liệu bê tông khoảng $1,15\text{m}^3/\text{ngày}$ (phát sinh tại vị trí thi công).

+ Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, vi sinh vật, dầu mỡ khoáng.

- Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt: Ở giai đoạn hiện tại là $8,32\text{m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ) và $20\text{m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ) khi xét đến yếu tố tăng dân số và tính cho số dân tối đa ứng với diện tích đất ở của khu tái định cư theo QCVN 01:2019/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng; thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, nitơ, phốt pho, coliform.

3.1.2. Quy mô, tính chất khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi phát sinh do quá trình đào đắp, san nền bằng máy móc và thủ công; bụi, khí thải do quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị của Dự án; vận chuyển đất đá thải đi xử lý... Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi thô, khí SO₂, NO_x, CO...

- Giai đoạn vận hành: Từ hoạt động của phương tiện giao thông, từ hoạt động đun nấu của người dân và từ hoạt động chăn nuôi.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt:
 - + Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh khoảng 8,4kg/ngày tại khu vực lán trại của dự án.
 - + Giai đoạn vận hành: Phát sinh khoảng 43,68kg/ngày.
- Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:
 - + Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn do hoạt động phát quang thực bì khoảng 27 tấn; đất đá đổ thải phát sinh khoảng 162,27m³; rác thải xây dựng phát sinh khoảng 6kg/ngày, tương đương khoảng 0,95 tấn của cả giai đoạn thi công xây dựng.
 - + Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn từ hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân.
- Quy mô, tính chất chất thải nguy hại
 - + Giai đoạn thi công xây dựng: Khoảng 20kg/tháng. Thành phần chủ yếu: xăng, dầu rò rỉ từ máy thi công, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang...
 - + Giai đoạn vận hành: Khoảng 24 kg/năm. Thành phần chủ yếu: dầu, mỡ, giẻ dính dầu mỡ, các bóng đèn huỳnh quang, ắc quy thải...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công: Phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công trên công trường và các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công xây dựng, đất đá thải từ vị trí thi công đến bãi xử lý...
- Giai đoạn hoạt động: Từ hoạt động của phương tiện giao thông.
- Tiếng ồn đảm bảo theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.
- Độ rung đảm bảo theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

3.4. Các tác động khác

- Trong giai đoạn thi công: Tác động đến môi trường đất, hệ sinh thái khu vực; an toàn lao động và sự cố môi trường; sức khỏe cộng đồng; tình hình kinh tế - xã hội khu vực dự án, tác động đến giao thông khu vực dự án...
- Trong giai đoạn vận hành: Các sự cố hỏa hoạn, tai nạn giao thông, dịch bệnh...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Nước mưa chảy tràn:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Tại khu vực xây dựng khu tái định cư sẽ làm các rãnh thoát nước tạm hình thang kích thước $B \times R \times H = (0,8 \times 0,4 \times 0,4)$ m. Dọc theo rãnh sẽ bố trí các hố ga để lắng đọng bùn cát kích thước $B \times R \times H = (1,5 \times 1,0 \times 0,8)$ m, bố trí cách nhau trung bình 25m trước khi chảy vào môi trường tiếp nhận. Đáy rãnh được lèn chặt và có độ dốc dọc từ 1% đến 3% tùy địa hình. Nạo vét định kỳ hố ga thu nước, cống thoát nước. Lượng chất thải phát sinh từ quá trình nạo vét được thu gom vận chuyển về bãi đổ thải để xử lý.

+ Giai đoạn vận hành: Hệ thống rãnh thoát nước chịu lực kích thước (60×80) cm dọc 02 bên trục đường, bố trí các hố ga dọc tuyến trung bình 30m/hố để lắng cặn.

- Nước thải xây dựng

+ Đào các rãnh thoát nước tạm hình thang kích thước $B \times R \times H = (0,8 \times 0,4 \times 0,4)$ m. Dọc theo rãnh sẽ bố trí các hố ga để lắng đọng bùn cát kích thước $B \times R \times H = (1,5 \times 1,0 \times 0,8)$ m, bố trí cách nhau trung bình 25m trước khi chảy vào môi trường tiếp nhận. Đáy rãnh được lèn chặt và có độ dốc dọc từ 1% đến 3% tùy địa hình.

+ Xây dựng bể lắng kích thước $B \times L \times H = (2,5 \times 1 \times 2)$ m, thể tích $05m^3$, kết cấu đáy đổ bê tông tường xây gạch, để xử lý nước thải tại khu vực rửa cốt liệu bê tông.

+ Nước thải chứa dầu mỡ tại khu vực rửa thiết bị máy móc: Xây dựng bể lắng sơ bộ bằng gạch - xi măng tại khu phụ trợ lán trại công nhân với kích thước $B \times L \times H = (2 \times 1 \times 1)$ m, trong bể có bố trí tấm vật liệu để loại bỏ dầu mỡ. Tấm vật liệu lọc dầu mỡ định kỳ sẽ được thay thế và quản lý như chất thải nguy hại.

- Nước thải sinh hoạt

+ Nước thải từ khu vực nhà ăn trong giai đoạn xây dựng: Xây dựng bể lắng sơ bộ bằng gạch - xi măng tại khu phụ trợ lán trại công nhân với kích thước $B \times L \times H = (2 \times 1 \times 1)$ m, trong bể có bố trí tấm vật liệu để loại bỏ dầu mỡ. Tấm vật liệu lọc dầu mỡ định kỳ sẽ được thay thế; lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động tại khu phụ trợ, nhà vệ sinh lưu động gồm 02 buồng vệ sinh và có bể tự hoại composite thể tích 5000 lít. Nước thải từ bể tự hoại composite sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B được thải ra nguồn tiếp nhận là suối Bản Bo; xây dựng hồ sinh học để sử dụng ngay trong giai đoạn thi công và cho cả giai đoạn hoạt động.

+ Trong giai đoạn hoạt động: Các hộ gia đình sẽ xây dựng bể tự hoại 03 ngăn để xử lý nước thải sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $20m^3$ /ngày (24 giờ) để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B trước khi xả vào suối Bản

Bo; quy trình xử lý nước thải: Nước thải từ bồn cầu xử lý qua bể tự hoại của từng hộ gia đình, sau đó cùng với nước thoát sàn, nước từ khu vực nhà bếp → Bể tách rác, tách dầu mỡ → Hồ sinh học xử lý bằng bèo tây → Bể lọc cát → suối Bản Bo (nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, K = 1,2).

- Thông số các hạng mục:

+ Bể tách rác, tách dầu mỡ tổng kích thước xây dựng là $L \times B \times H = (12,4 \times 1,4 \times 1,9)m$ kích thước chứa nước $L \times B \times H = (12 \times 1 \times 1,5)m$ với tổng dung tích chứa nước là $18m^3$.

+ Hồ sinh học với kích thước tổng thể xây dựng là $L \times B \times H = (20,4 \times 12,4 \times 1,9)m$ và kích thước chứa nước là $L \times B \times H = (20 \times 12 \times 1,5)m$ với tổng dung tích là $360m^3$.

+ Bể lọc cát kích thước tổng thể xây dựng là $L \times B \times H = (2,4 \times 12,4 \times 1,9)m$ và kích thước chứa nước là $L \times B \times H = (12 \times 2 \times 1,5)m$ với tổng dung tích là $24m^3$.

4.1.2. Công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải

- Trong giai đoạn xây dựng: Sử dụng phương tiện đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh; lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại công trường, tất cả các xe được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường.

- Trong giai đoạn vận hành: Các hộ gia đình nâng cao ý thức trong việc giữ gìn vệ sinh nơi ở; bố trí các khu vực chăn nuôi với khoảng cách phù hợp; sử dụng các thùng kín để lưu chứa chất thải giảm thiểu phát sinh mùi hôi; khuyến khích người dân tự trồng thêm các loại cây có bóng mát để giúp điều hòa không khí.

4.1.3. Công trình và biện pháp thu gom, thoát nước mặt, nước mưa chảy tràn

- Giai đoạn xây dựng: Tại khu vực xây dựng khu tái định cư sẽ làm các rãnh thoát nước tạm hình thang kích thước $B \times R \times H = (0,8 \times 0,4 \times 0,4)m$. Dọc theo rãnh sẽ bố trí các hố ga để lắng đọng bùn cát kích thước $B \times R \times H = (1,5 \times 1,0 \times 0,8)m$, bố trí cách nhau trung bình 25m trước khi chảy vào môi trường tiếp nhận. Đáy rãnh được lèn chặt và có độ dốc dọc từ 1% đến 3% tùy địa hình. Nạo vét định kỳ hố ga thu nước, cống thoát nước. Lượng chất thải phát sinh từ quá trình nạo vét được thu gom vận chuyển, xử lý đảm bảo quy định.

- Giai đoạn vận hành: Hệ thống rãnh thoát nước chịu lực kích thước $(60 \times 80)cm$ dọc 02 bên trục đường, bố trí các hố ga dọc tuyến trung bình 30m/hố để lắng cặn.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Chất thải rắn thông thường

a) Chất thải rắn xây dựng

- Một phần phế thải như sắt thép vụn, gỗ vụn, vỏ bao xi măng, thùng đóng gói thiết bị, máy móc, hộp xốp... được thu gom, phân loại bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Bố trí 01 khu vực bãi đổ thải với tổng diện tích 343,4m² cách dự án 0,8km. Thực hiện đổ thải chiều cao tối đa 0,5m, lu lèn sau khi kết thúc đổ thải để giảm thiểu nguy cơ sạt lở.

b) Chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH)

- Giai đoạn thi công xây dựng: Sử dụng 04 thùng rác dung tích 150 lít để thu gom, lưu chứa CTRSH tại các khu vực trong lán trại của công nhân. Vận chuyển đến khu vực xử lý CTRSH tập trung của xã Bản Bo để xử lý.

- Giai đoạn vận hành: Áp dụng biện pháp phân loại CTRSH tại nguồn theo đúng quy định tại Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu Ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Chất thải hữu cơ như thức ăn thừa tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, chất thải tái chế bán cho các đơn vị thu mua, chất thải còn lại không thể tận dụng, tái chế do các gia đình tự thu gom trong phạm vi các hộ gia đình và vận chuyển khu vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung của xã Bản Bo để xử lý.

4.2.2. Chất thải nguy hại (CTNH)

- Giai đoạn thi công: Toàn bộ CTNH được thu gom, vận chuyển và lưu chứa tại khu chứa chất thải nguy hại diện tích 10 m² của công trường. Thực hiện quản lý, lưu giữ CTNH theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Ký hợp đồng với đơn vị được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép thực hiện dịch vụ xử lý CTNH theo đúng quy định pháp luật để xử lý.

- Giai đoạn vận hành: Tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện phân loại CTNH và xử lý theo quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, đảm bảo tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN

27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Trang bị các phương tiện phòng cháy, chữa cháy tại khu vực công trường thi công; tập huấn công tác phòng cháy, chữa cháy và phổ biến kiến thức phòng cháy, chữa cháy cho cán bộ, công nhân của Dự án; thực hiện nghiêm chỉnh các quy chuẩn quy phạm, quy định về phòng cháy, chữa cháy trong quá trình xây dựng và sử dụng các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển báo cấm không sử dụng lửa tại khu vực kho chứa nhiên liệu và các khu vực có nguy cơ xảy ra cháy.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động, tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; sử dụng các máy móc, thiết bị được kiểm định, bảo đảm an toàn theo quy định hiện hành; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc trên công trường.

4.4.2. Giai đoạn hoạt động

- Nâng cao ý thức, kiến thức của người dân trong việc sử dụng các thiết bị điện, trong các hoạt động đun nấu.

- Chính quyền địa phương chỉ đạo, phối hợp với người dân trong công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố thiên tai, sự cố môi trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án chịu trách nhiệm thực hiện quản lý môi trường trong từng giai đoạn của dự án (chương trình quản lý môi trường chi tiết nêu tại báo cáo ĐTM được phê duyệt).

5.2. Chương trình giám sát môi trường của chủ dự án

5.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt:

+ Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, dầu mỡ động thực vật, coliform.

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí sau bể lọc cát.

+ Tần suất giám sát: 01 lần vào khoảng giữa giai đoạn thi công.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B).

- Nước thải xây dựng:

+ Thông số quan trắc: Lưu lượng, TSS, dầu mỡ khoáng.

+ Vị trí giám sát: Nước thải tại hố lắng thu gom nước rửa cốt liệu xây dựng.

+ Tần suất quan trắc: 01 lần vào khoảng giữa giai đoạn thi công.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNM - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B).

- Bụi, tiếng ồn, độ rung:

+ Thông số giám sát: Tiếng ồn, độ rung, bụi.

+ Vị trí các điểm giám sát: Khu vực thi công khu tái định cư.

+ Tần suất giám sát: 01 lần vào khoảng giữa giai đoạn thi công.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- Chất thải rắn thông thường, CTNH:

+ Giám sát về thành phần, khối lượng, phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý CTR thông thường, CTNH.

+ Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu Ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

+ Tần suất giám sát: Thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình thi công.

5.2.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Việc triển khai thực hiện dự án phải đảm bảo đúng theo Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật và

Quyết định phê duyệt điều chỉnh báo cáo kinh tế - kỹ thuật của dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện đầy đủ chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- Chủ động, tích cực phối hợp với UBND xã Bản Bo triển khai thực hiện các giải pháp hỗ trợ, ổn định cuộc sống cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án theo các quy định hiện hành; thực hiện hỗ trợ, đền bù giải phóng mặt bằng theo đúng quy định pháp luật về đất đai.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng quản lý giao thông và chính quyền địa phương để thống nhất kế hoạch thi công tại những điểm giao cắt với đường giao thông; thực hiện thủ tục cấp phép trước khi thi công tại các vị trí giao cắt với đường giao thông.

- Thực hiện nghiêm túc chương trình giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý đất đai, an toàn điện, phòng, chống thiên tai và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố; chủ động huy động nhân lực, vật lực để thực hiện nhiệm vụ ứng phó với các tình huống thiên tai, sự cố môi trường, kiểm tra phát hiện sự cố, các hiện tượng mất an toàn tại khu vực Dự án trong quá trình thi công và giai đoạn hoạt động của dự án.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành; đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường đã đề xuất thực hiện.
